

# NGHỆ THUẬT SÂN KHẤU TÀY NÙNG: TỪ DIỄN XƯỚNG NGHI LỄ ĐẾN SÂN KHẤU NGHỆ THUẬT

NGUYỄN HUY HỒNG

Trong kho tàng diễn xướng dân gian Tày, Nùng ta có thể thấy có đầy đủ các yếu tố cơ bản của nghệ thuật sân khấu đích thực như: *diễn viên và nghệ thuật biểu diễn, nhân vật và hành động sân khấu, người xem và sự thưởng thức*. Các yếu tố này được bộc lộ theo nhiều cách khác nhau trong các trò diễn nghi lễ và lễ hội vùng đồng bào Tày, Nùng ở Đông Bắc nước ta. Trong số này là các diễn xướng lớn, các lễ hội mang tính chất tiên sân khấu hay có thể coi là *sân khấu dân gian*. Chúng là cái nôi dân dã mà từ đó đã ra đời *tuồng dã hai* - một loại hình nghệ thuật biểu diễn độc đáo của văn nghệ Tày Nùng. Dưới đây chúng tôi xin dẫn ra một số trò diễn xướng nghi lễ và văn nghệ dân gian Tày, Nùng miền Đông Bắc, với sự tích hợp các yếu tố nghệ thuật sân khấu trong các trò diễn xướng đó đưa đến sự ra đời *tuồng dã hai* ở Cao Bằng và sân khấu nghệ thuật Tày, Nùng hiện đại.

## 1. Diễn xướng Then

Diễn xướng *Then* được đồng bào Tày, Nùng quen gọi là Hát Then, là một loại diễn xướng gắn với nghi lễ và tín ngưỡng của đồng bào. Các màn lớp diễn xướng được thể hiện theo bài bản, qui mô, bằng cách ngâm ngợi, ca hát, múa nhảy, làm động tác cách điệu. Những cuộc diễn xướng này đều do những người chuyên nghề *Then, Tào, Pụt* đảm nhiệm và được tổ chức như một phần quan trọng của các lễ yến, cấp sắc, cầu mùa, chữa bệnh..., mà tiêu biểu là Đại lễ cấp sắc. Đại lễ cấp sắc là một cuộc trình diễn bản trường ca khoảng vài nghìn câu văn vần mô tả hành trình của đoàn binh mã Then từ trần gian

lên thiên giới, xuống thủy phủ thỉnh cầu Ngọc Hoàng và Long Vương phong chức, cấp sắc cho một ông Then. Cuộc hành trình này do ông Then bậc thầy (sư phụ) chủ trì nghi lễ cùng với tám vị “khóa quan” phụ giúp, kéo dài trong ba ngày đêm được chia ra nhiều chặng với tình tiết khác nhau. Nội dung việc hát, múa, diễn trò này nói lên công việc mang lễ vật dâng lên cúng trời qua nhiều chặng đường gian nan, nguy hiểm, đầy khổ cực. Đoàn quân Then phải dùng nhiều mưu mẹo, pháp thuật mới vượt qua được hành trình 25 chặng.

Có thể nói đây là những hoạt cảnh sân khấu, trong đó có nhiều màn trò diễn được xem là thuộc loại hình sân khấu dân gian đích thực. Xin nêu một vài màn tiêu biểu về phương diện này.

- Màn diễn “Gọi ông chử dò”:

Quân Then đến bờ nước, muốn vượt sang được phải gọi ông chử dò đang ở bờ đối diện. Biết ông này có người yêu là nàng Thiên Tuế, vì núi sông cách trở ít được gặp nhau, quân Then liền đóng giả nàng Thiên Tuế hát gọi người yêu chèo thuyền sang đón:

...*Em đi theo Then quan tiến lễ  
Đến đây nhìn nước bể mênh mông  
Chẳng có thuyền để sang bên được  
Nếu anh còn nhớ tình nghĩa  
Hày chèo thuyền sang đón em vượt biển...*

Đoạn hát này hát theo điệu *lượn cọi* loại hát đối đáp trữ tình nam nữ. Lời hát, lời nói ở đây vừa mang tính huyền bí tín

ngưỡng, vừa mang tính giao tiếp xã hội và biểu hiện tình cảm con người trần thế.

Phụ họa theo giọng nàng Thiên Tuế có nhiều lời nói để châm biếm, đôi khi thô tục. Ví dụ lời người chở đồ: "...À! À! *Đúng thật rồi! Đúng thật là nàng Thiên Tuế theo Then quan đi tiến lễ. Vậy hãy lấy cái nồi ba mươi ra nấu cháo ăn. Gạo thì bỏ vào ba hạt rưỡi. Nước thì đổ vào ba ống rưỡi*" hoặc đôi lúc quân Then nói để một vài câu đại loại: "*Ói! Ói! Cái vú to, vú chắc, vú dài...*".

Để thể hiện ông chở đồ chèo thuyền, vị Then sắm vai trong màn diễn vừa hát vừa múa bắt chước động tác chèo thuyền.

- *Màn diễn "Tìm thợ rèn, thợ đúc ở chợ Tam Quang"*:

Để mở đường phát lối trở về trần gian, quân Then phải đến chợ Tam Quang thuê rèn dao, rèn rìu. Vị Then thể hiện vai Quang Lang dẫn đầu đoàn quân, vừa đóng vai quân Then, vừa đóng vai thợ rèn, vừa hát vừa nói đối đáp, vừa làm động tác, tiếng kêu để minh họa. Lời thợ rèn đôi khi cục cằn, tục tĩu; trước mặt quan Then thì khúm núm, vâng vâng, dạ dạ bề ngoài, nhưng trong lòng thì coi khinh, chửi thảm, chửi đổng...

Màn này độc đáo và hấp dẫn bởi cách diễn xướng của một người đồng thời thể hiện hai nhân vật với tính cách, điệu bộ, lời đối đáp khác hẳn nhau, đậm tính kịch và nhiều yếu tố bất ngờ, ngẫu hứng trong diễn xuất.

- *Màn diễn "Đánh thức ông khổng lồ" (Pjóc pú cay)*:

Đoàn quân Then gặp ông khổng lồ nằm ngáng đường:

*Chân ông ngáng cả đầu mường  
Mình ông chắn ngang cả cánh đồng*

*Làm nước dâng lên đầy ắp  
Thuyền nhỏ không vượt được  
Đánh thức ông không thưa  
Gậy đập lưng ông cũng chẳng cựa...*

Chúa Then phải dùng pháp thuật hóa thành thiếu nữ có nhan sắc cùng với nhiều nàng hầu. Các nàng hầu vấn khăn, mặc yếm đào, độn giấy làm giả vú, áo gấm, thắt đáy lưng ong, mặt hoa da phấn, tay đeo vòng vàng vòng bạc. Then nàng bước tới gần, ôm cổ tay ông khổng lồ kéo dậy. Ông khổng lồ mắt nhắm mắt mở, thấy các thiếu nữ, nắm giữ các thiếu nữ, nắm giữ khư khư không muốn rời. Then nàng hát giải bày:

... "*Chúng tôi là các Then nhà chúa  
Thấy ông đang nằm ngáng giữa đường  
Chúa cho chúng tôi được lấy ông làm chồng  
Tôi đánh thức ông dậy  
Kẻ binh mã đi qua dẫm phải*"...

Ông khổng lồ mừng rỡ mở miệng cười, để lộ răng to tựa "cánh cửa", lồm cồm bò dậy, vẫn khư khư giữ tay các Then nàng. Các Then nàng phải mời ông ăn uống. Lúc ấy nước mới rút, đường mới khai thông.

- *Màn diễn "Bắt phu gánh lễ vật"*:

Đây là màn diễn thể hiện việc đoàn quân Then tìm bắt dân phu khiêng gánh đồ lễ. Đồ lễ là một số vò rượu bịt kín bằng giấy hồng điều và một số *bánh pháp* làm bằng bột nếp, nhân đỗ xanh, gói lá mít, hấp chín. Tất cả đựng trong những chiếc sọt có hai quai để khiêng. Đòn khiêng là những khúc mía.

Trong cuộc bắt phu tượng trưng này, các Then kéo một số người đang xem lễ vào "làm phu" và cùng hát với các Khỏa quan. Những người "bị bắt" làm phu cứ từng đôi một cầm đầu khúc mía xỏ qua hai quai sọt đựng vò rượu và bánh để khiêng

đi. Hết đoạn hát, Then cho bày lễ vật mời tất cả Then, Khỏa quan, phu khiêng và người xem cùng ăn bánh, uống rượu vui vẻ. Trong lúc ăn uống có mời mọc, đối đáp, chòng ghẹo, trêu chọc, châm biếm, cợt nhả, kiểu nửa tỉnh nửa say, nửa ma nửa người rất vui. Đặc điểm của màn diễn này là nối liền cái thiêng liêng với đời thường, nối liền thầy cúng với người xem lễ, “diễn viên” với khán giả. Đây là nét đặc trưng của sân khấu dân gian.

Như ta thấy qua các màn diễn trò trên đây, diễn xướng Then là những hoạt cảnh nghi lễ và tín ngưỡng, nhiều phân tượng tượng về những sự việc có liên quan với thế giới siêu nhiên, cao xa, huyền bí, thiêng liêng ngoài khả năng nắm bắt của con người trần gian, nhưng đều bằng cách này hay cách khác, nhằm giúp phân giải tỏa những vấn đề khó khăn phức tạp trong cuộc sống mà con người trần thế bất lực. Đây chính là những ước vọng.

Nhưng phải thấy rằng những hoạt cảnh diễn xướng Then đều không quá xa lạ với hiện thực xã hội. Đó là sự phản ánh cuộc đấu tranh để sinh tồn giữa con người và thiên nhiên, giữa con người và con người ẩn dụ trong mô típ “đánh thức ông khổng lồ”, “gọi ông chở đờ”, “gọi thợ rèn”... Những tiểu tiết cố ý để bộc lộ “bản năng” bất tuân kiêng kị ngày thường như lời nói tục tữ, gọi tên những vật thường ngày bị xem là thô lỗ, những trò đùa tếu táo, gây cười,... đều vừa có tính nghi lễ nguyên thủy, vừa có tính giải tỏa tâm lý. Đó là sự thống nhất giữa tính nghi lễ, tín ngưỡng với tính sân khấu của các diễn xướng này. Tất cả đã tạo nên sức cuốn hút của diễn xướng Then đối với người nghe, người xem.

Diễn xướng Then là một nghi lễ tín ngưỡng mang nhiều yếu tố sân khấu sơ khai và nhiều nghi thức là những hoạt cảnh sân khấu dân gian đích thực. Tính

chất tâm linh ở đây là cơ sở ban đầu của sự hấp dẫn và càng ngày càng được những người thực hiện làm tăng sự hấp dẫn lên bằng cách đưa thêm vào những hành động giải trí xã hội đan xen, tạo nên những mầm mống cho nghệ thuật sân khấu, những yếu tố tiền sân khấu đóng góp đắc lực vào sự hình thành sân khấu ca kịch *đã hai* (Cao Bằng) sau này.

## 2. Phường

*Phường* là một hình thức biểu diễn âm nhạc và hát xướng trong các đám ma xưa ở vùng đồng bào các tỉnh Bắc Kạn, Thái Nguyên.

Phường được tổ chức thành phường bán chuyên, gồm khoảng tám người, phục vụ ca và nhạc cho các cuộc nghi lễ như: các buổi tế, các cuộc nghi lễ “mại xe”, cũng tiến hương, tiến hoa. Ngoài ra, phường còn phục vụ diễn trò (giải khuây).

Trong các cuộc tế, phường chủ yếu phục vụ phần âm nhạc. Nhạc cụ thường dùng có: *pi lé*, trống (*choong slung*), đàn, cửa (gần giống nhị), tiêu, sáo. Nhạc được tấu theo các tiết lễ như dâng hương, dâng nước, dâng rượu, lễ... Trong các buổi cúng vong, phường chơi nhạc ở hai tiết lễ rót rượu và dâng rượu vào hai bữa cúng cơm sáng và cơm chiều, lễ đánh thức vong (*piéc slang*) vào lúc tờ mờ sáng, lúc “rửa bát” sáng và chiều cho các cuộc lễ của những người con gái đã có chồng dâng lễ báo hiếu (*slăp chêng*) cho cha mẹ đã qua đời.

Trong các nghi lễ *mại xe* mang nội dung thù ân - báo đức, tống tiễn và vĩnh biệt, phường phường đóng vai trò trung gian, dẫn dắt và truyền tải ý nguyện, tình cảm, lời dặn dò... giữa người quá cố và gia quyến.

Trong nghi lễ *Tống tiễn*: Phường dẫn con cháu họ hàng đi vòng quanh linh cữu. Một người lĩnh xướng đi đầu, những người

đi sau lặp lại theo từng câu. Xướng theo bài bản có chia đoạn. Xướng hết đoạn thì dạo nhạc, khi nhạc dạo hết thì con cháu khóc òa lên để tỏ lòng thương và sự việc cứ tiếp diễn như thế đến hết bài.

Trong nghi lễ *Vinh biệt*: phường thay người chết hát bài dặn dò con cháu, chào vĩnh biệt quê hương, gia đình, làng bản. Phần này kể lễ chi tiết, vĩnh biệt từ đám ruộng, bãi nương, khóm tre, vườn chuối, cái sàn, tích nước, cầu thang, cối xay đến cửa bếp, cái kiêng, đàn lợn, đàn gà... ở lại trần gian.

Trong nghi lễ *Tiến hương, tiến hoa*, tùy theo giàu nghèo và số con gái đã đi lấy chồng mà tổ chức “tiến hương, tiến hoa” to hay nhỏ, một buổi hay nhiều buổi. Các con gái nâng trên vai mâm hoa đi theo phường phường. Trên mâm có một cây hoa giấy màu, vài loại bánh chay, vài chiếc vòng cổ, vòng tay, xà tích... bằng bạc. Phường cũng xướng hát bài bản và đánh nhạc.

Việc *Diễn trò* thường được tổ chức vào các đêm cuối của tang lễ. Người diễn trò mang mặt nạ khỉ, chim *nộc niệc*, đười ươi chồng và đười ươi vợ. Nội dung trò diễn liên quan đến việc trồng cấy, bảo vệ mùa màng, nương rẫy. Khi diễn trò, chỉ có ứng diễn mà không có bài bản. Trong các vai diễn chỉ có vai vợ chồng đười ươi là có diễn lời đối thoại phản ánh công việc trồng trọt, chống muông thú phá hại. Các trò diễn thường mang tính hài hước mặc dù đều diễn ngay trước vong linh người quá cố. Trong khi diễn có xen kẽ đối thoại với người xem. Thường thì người xem hỏi và vai diễn trả lời. Nội dung các lời vấn đáp đó thường xoay quanh cuộc sống của vợ chồng đười ươi với tính chất bông đùa, tục tĩu.

Trong trò diễn các vai diễn đều đồng thời xuất hiện: vợ chồng đười ươi đối đáp,

khỉ nhảy nhót, leo trèo, chim múa lượn - há mỏ - gáy - rĩa cánh - vẫy đuôi... và có nhạc phụ họa. Trò diễn nhằm gây không khí vui vẻ để giảm nhẹ sự đau buồn của tang gia, giảm bớt không khí nặng nề trong tang lễ.

Ở tỉnh Lạng Sơn cũng có nhiều diễn xướng dân gian như các trò diễn của phường phường ở Cao Bằng, Thái Nguyên. Đó là các diễn xướng “liên vắn” được duy trì dưới dạng “nửa là sinh hoạt tín ngưỡng nửa là sân khấu dân gian” như *Chuyện Lão Lai, Hát Nàng Hai*. *Chuyện Lão Lai* với ba nhân vật (hai chim *nộc niệc* và một người) vốn là một trò diễn con rối trong chương trình của “Phường Lợi” phục vụ đám tang người Tày đã được *đội văn nghệ* nghiệp dư Chu Túc mang lên sân khấu Hội diễn tỉnh. Đoàn Văn công miền núi Liên khu Việt Bắc tiếp thu trò diễn này mang đi phục vụ ở nhiều nơi và đã được hoan nghênh nhiệt liệt vì vở diễn có cốt truyện và hình thức trình diễn lạ mắt (kiểu múa rối).

*Hát Nàng Hai* hay *Hội Nàng Hai* phổ biến ở vùng Thất Khê, Đông Khê. Hội thường được tổ chức tại sân đình làng với cái rạp dựng đơn giản kiểu hình chữ nguyệt, được tết bằng hoa lá, bên trong bày các loại xôi nhuộm màu xanh, tím, đỏ được tạo khối tượng trưng *trời, đất, mặt trời, mặt trăng, động vật, thực vật*... Hội do bảy cô gái Tày tài sắc, tuổi 15, 16 trở lên, chưa lập gia đình đảm nhiệm: một cô sắm vai Nàng Hai, một cô đóng vai Chàng nông dân nghèo. Trong lúc các nhân vật đối đáp với nhau về câu chuyện nên vợ nên chồng của Nàng Hai và Chàng nông dân nghèo và cuộc sống hạnh phúc ngắn ngủi của họ thì những người đến xem hội đứng ngoài hát gheo cũng được đối đáp lại. Diễn xướng Nàng Hai rất được đồng bào yêu thích.

### 3. Trò Ổi Lỗi Thẩm Rộc

Phường Ổi Lỗi ở Thẩm Rộc, huyện Định Hóa, Thái Nguyên là một phường rối cạn truyền thống lâu đời chuyên phục vụ hội đình, hội chùa quanh vùng bằng một chương trình tổng hợp gồm múa, giáo trò, múa rối, kể chuyện thơ, hát ả đào. Phường khoảng trên mười người, trong đó có bốn nữ hát ả đào đều là người trong họ ông Ma Quang Thọ. Các nam trò đều biết diễn trò, múa, giáo lời, chơi nhạc. Riêng ông trùm phường, ngoài phân trách nhiệm quán xuyến chung còn chịu trách nhiệm giới thiệu chương trình, kể chuyện, lễ tổ, sắp xếp chương trình, giao tiếp... Hầu hết các thành viên nam của phường, kể cả ông Trùm đều biết làm Then. Lệ của phường là khi đã chuẩn bị xong mọi việc cho một buổi trình diễn, cả phường phải lễ tổ. Lễ vật, ngoài hương hoa đèn nến, còn có nhiều trứng vịt tươi. Chương trình biểu diễn là “Tiên ổi, hậu ca” (trước diễn trò con rối, sau ca hát). *Nhạc đệm có*: trống cơm, trống cái, phách, rần rạt, mèn, trống bản. Trò diễn theo bài bản đã được ghi thành sách do ông Trùm xướng đọc dẫn trò. *Quân rối Thẩm Rộc* là loại rối que, rối máy và rối tay, điều khiển từ dưới lên. Que điều khiển bằng cây vầu nhỏ, múa hết đợt lại bỏ, khi cần lại tạo que mới. Buồng trò rối dựng giữa sân, dài khoảng 2,5m; rộng 2,0m; cao 2,5m, che kín hai hồi và mặt sau, còn mặt trước chỉ che lấp tới kín đầu diễn viên. Khoảng trống giữa đầu diễn viên và mái buồng trò là nơi con rối diễn trò. Phường xưa nay chỉ diễn đi diễn lại một chương trình duy nhất. Lời giáo trò Thẩm Rộc làm theo lối văn vần thành từng bài theo trò, với nội dung ca tụng, cầu khẩn thần thánh, chúc tụng vua quan khang thọ, dân làng giỏi giang, thi đỗ, giàu có, đất nước phồn vinh, thái bình.

Trò Thẩm Rộc sở dĩ có sức cuốn hút nổi tiếng trong vùng phần vì nội dung tâm linh tín ngưỡng của lời trò, phần vì cái lạ, cái kỳ diệu của nghệ thuật rối, nên dù chỉ quanh đi quẩn lại một chương trình mà đã tồn tại hàng trăm năm.

### 4. Trò rối “Mộc Thâu Hí”

Đồng bào Nùng vùng biên giới Cao Bằng có trò rối “Mộc Thâu Hí”. Đây là nơi duy nhất trong cả nước có các phường hội *Múa rối dây* hoạt động... Phạm vi hoạt động của các phường cũng chỉ ở các hội chùa, phiên chợ, sòng bạc ở mấy huyện Trùng Khánh, Trà Lĩnh, Quảng Uyên, Hòa An và thị xã Cao Bằng. Nghệ thuật này được truyền từ vùng Tĩnh Tây Trung Quốc sang. Trước đây nhân dân vùng giáp biên thường mời các phường gánh Rối Mộc Thâu Hí ở Trung Quốc sang biểu diễn phục vụ ngày lễ *Xá tội vong nhân* rằm tháng Bảy âm lịch ở các chùa thị trấn Trùng Khánh, Thông Huệ. Đồng bào thường tổ chức lễ này rất trọng thể như một dịp báo hiếu trả ân ông bà, cha mẹ và thân nhân họ hàng đã mất, như một đám chay chung của cộng đồng. Cuộc lễ thường kéo dài nhiều ngày đêm với nhiều nghi thức cúng bái, cầu siêu, cỗ bàn, hát xướng..., và đặc biệt không thể thiếu trò múa rối. Có lẽ tài năng biến các vật bằng gỗ, bằng vải trở nên các nhân vật sống động của nghệ thuật múa rối đã phần nào đáp ứng thị hiếu thẩm mỹ tín ngưỡng của bà con. Có một sự gắn bó tâm hồn sâu sắc đã khiến đồng bào may trang phục cho quân rối được đem sang biểu diễn và sau đó dựa theo các con rối của phường rối nước bạn gửi lại, họ đã tạo ra các con rối mới để tặng bạn mang về. Khi bạn sang biểu diễn, các gia đình chia nhau đón diễn viên về ăn ở tại nhà mình, kết nghĩa với người trong nhà, học đàn, học hát, học diễn trò. Những khi nhàn rỗi, những ngày

mưa dầm, giá rét bà con tập trung chuyên trò giải buồn đã ráp nối với nhau “bắt chước” các phường diễn bện đàn, hát lời vở diễn để làm vui. Và từ đó đã nảy sinh loại hình *Tuồng dã hai* độc đáo của đồng bào Tày Nùng ở Cao Bằng.

*Tuồng dã hai* hình thành trước tiên ở thị trấn Thông Huệ, huyện Trùng Khánh. Sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, Ty Văn hóa Cao Bằng giao cho đoàn văn công tỉnh tiếp thu, nâng cao để phục vụ đồng bào.

Ngoài các làn điệu có sẵn của trò rối Mộc Thầu Hí như: Bình điệu (*Phìn thỉo*), Cao điệu (*Cáo thỉo*), Bình cao điệu (*Phìn cáo thỉo*), Hí điệu (*Hí thỉo*), Thi điệu (*Sli thỉo*), Thán điệu (*Thán thỉo*), Khóc điệu (*Khù thỉo*), Hái hoa (*Sái wá*), Thu bản (*Sam pản*), đoàn văn công Cao Bằng đã đưa vào thêm nhiều làn điệu dân ca (như điệu *Sán cớ*), nhất là các làn điệu của hát Then, tạo nên loại ca kịch dân tộc Tày, Nùng độc đáo từ âm nhạc, vũ điệu, ngôn ngữ, trang phục... Những năm đầu thập kỷ sáu mươi của thế kỷ trước, *Tuồng dã hai* đã định hình thể loại theo hai hướng:

a. Phát huy những thành tựu của sân khấu rối Mộc Thầu Hí kết hợp với việc vận dụng các làn điệu dân ca, dân vũ khác của địa phương theo kiểu “bình cũ, rượu mới”. Hướng này đã dẫn đến việc xây dựng thành công các vở: Ngọc Phù Dung, Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài, Tần Hương Liên, Mộc Quế Anh, Mạnh Lệ Quân.

b. Xây dựng thể loại “kịch nói pha ca” để thể hiện những vở đề tài hiện đại như “Bác kỹ sư” của Nông Đình Tuấn, “Về bản mới” của Vương Hùng. Nhiều vở *Tuồng dã hai* của Đoàn Văn công Cao Bằng đã được tặng huy chương vàng, huy chương bạc của các Hội diễn nghệ thuật toàn miền Bắc.

Ngày nay sân khấu nghệ thuật Tày, Nùng đang tiếp tục phát triển trên cơ sở tiếp thu và đổi mới những yếu tố tiên thân của nó vốn trước đây lưu truyền trong các nghi lễ tín ngưỡng, các hội hè dân gian, các sinh hoạt vui chơi giải trí. Chính những yếu tố diễn xướng nghi lễ và các trò diễn dân gian bắt nguồn từ các diễn xướng đó như Hội Nàng Hai, Chuyện Lão Lai, Ổi Lôi (Thái Nguyên), trò Mộc Thầu Hí, tuồng dã hai (Cao Bằng) là nguồn mạch cho sự phát triển của sân khấu nghệ thuật Tày Nùng hiện đại. Rõ ràng, có một mối quan hệ mật thiết giữa diễn xướng nghi lễ, tín ngưỡng và nghệ thuật sân khấu dân gian của đồng bào Tày, Nùng và chúng ta cần có phương pháp tiếp cận phù hợp để không mất đi những tinh hoa của nghệ thuật dân tộc.

### Tài liệu tham khảo

1. *Mấy vấn đề về Then Việt Bắc*, Nxb Văn hóa dân tộc, H, 1978.
2. Viện Dân tộc học. *Các dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam*, H, 1992.
3. Lã Văn Lô, Đặng Nghiêm Vạn. *Sơ lược giới thiệu các nhóm dân tộc Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, H, 1968.
4. *Lời hát Then*. Sở VH TT khu Tự trị Việt Bắc xuất bản, 1975.
5. *Diễn xướng dân gian và nghệ thuật sân khấu* - Viện Nghệ thuật (Bộ Văn hoá Thông tin) xuất bản 1978.
6. Viện Dân tộc học. *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*. Nxb. Khoa học xã hội, H, 1978.
7. Nguyễn Đăng Duy. *Văn hóa tâm linh*. Nxb Hà Nội, H, 1966.
8. *Lé théâtre des origines à nos jours* - Léon Moussinac, Amiot- Dumont, Paris 1975.
9. *Connaissnce du Viet Nam* - Pierre HUARD et Maurice. DURAND, Paris - Imprimerie national le Ecole francaise dextrême - orient, Hanoi 1954.
10. *Bảo tồn và phát triển nghệ thuật sân khấu các dân tộc*. Nxb Văn hóa dân tộc, H, 1994.